



**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP. HCM**

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG  
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP  
NĂM 2022**

**Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2022**

## NỘI DUNG CHÍNH

### BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Chữ đầy đủ</b>
Bộ LĐTB&XH	: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
CĐCNTT TP.HCM	: Trường Cao Đẳng Công nghệ Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh
CNTT	: Công nghệ thông tin
CTĐT	: Chương trình Đào tạo
HĐ	: Hội đồng
CĐ	: Công đoàn
Đoàn TNCS	: Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
K.KT	: Khoa Kinh tế
K.CNTT-ĐT	: Khoa Công nghệ thông tin – Điện tử
GV	: Giảng viên
TS.	: Tiến sĩ
ThS.	: Thạc sĩ
GVC	: Giảng viên chính
HSSV	: Học sinh - Sinh viên
TTr	: Thanh tra
P.KT-ĐBCL	: Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
P.ĐT	: Phòng Đào tạo
P.TCHC	: Phòng Tổ chức hành chính

# MỤC LỤC

## PHẦN I

### GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP.HCM

1	Thông tin chung về Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin:.....	05
2	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường Cao đẳng Công nghệ thông tin: .....	05
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường Cao đẳng Công nghệ thông tin:.....	07
4	Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường Cao đẳng Công nghệ thông tin:....	09
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính:.....	11

## PHẦN II

### KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP.HCM.

1.	Đặt vấn đề.....	12
2.	Tổng quan chung.....	15
2.1.	Căn cứ tự đánh giá.....	15
2.2.	Mục đích tự đánh giá.....	15
2.3.	Yêu cầu tự đánh giá .....	16
2.4.	Phương pháp tự đánh giá.....	16
2.5.	Các bước tiến hành tự đánh giá.....	16
3.	Tự đánh giá.....	16
3.1.	Tổng hợp kết quả tự đánh giá.....	17

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn. ....	21
3.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức quản lý.....	21
3.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo.....	37
3.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.....	54
3.2.4. Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình: .....	65
3.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	75
3.2.6. Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế...	84
3.2.7. Tiêu chí 7: Quản lý tài chính.....	87
3.2.8. Tiêu chí 8: Dịch vụ người học.....	93
3.2.9. Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng.....	102

### **PHẦN III**

<b>TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP.HCM .....</b>	<b>107</b>
---	------------

### **PHẦN IV**

<b>ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>109</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	<b>110</b>
1. Quyết định thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng.....	110
2. Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng.....	113
3. Bảng mã minh chứng.....	119



Thông tin, Trường cam kết luôn nâng cao chất lượng đào tạo nhằm cung cấp nguồn nhân lực khoa học và công nghệ bậc Cao đẳng cho thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, cho sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa của khu vực phía nam và cả nước nói chung.

## **2.1 Chức năng nhiệm vụ của trường**

### **2.1.1. Chức năng**

- Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin là cơ sở đào tạo Tư thực, nằm trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp; chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, đồng thời chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về chiến lược, kế hoạch và chính sách phát triển giáo dục; về tiêu chuẩn nhà giáo, mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo; về tuyển sinh, tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng; về thanh tra giáo dục nghề nghiệp.

- Trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có trình độ Cao đẳng và các trình độ thấp hơn theo cơ cấu của hệ thống giáo dục nghề nghiệp, phục vụ cho ngành Công nghệ thông tin nói riêng và các ngành nghề khác trong xã hội.

- Ngoài ra, Trường còn có chức năng liên kết đào tạo, hợp tác quốc tế, tư vấn trong lãnh vực Công nghệ thông tin, ứng dụng các tiến bộ của ngành thông tin cho sự phát triển kinh tế - chính trị - xã hội của TP. Hồ Chí Minh và cả nước.

### **2.1.2. Nhiệm vụ**

- Bậc Cao đẳng với các ngành: Thiết kế đồ họa, Hệ thống thông tin, Logistic, Marketing, Thương mại điện tử, Tài chính – Ngân hàng, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Truyền thông và mạng máy tính, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Công nghệ thông tin, Lập trình máy tính, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông, Truyền thông đa phương tiện, Thiết kế trang web, Hướng dẫn du lịch, Kinh doanh xuất nhập khẩu

- Bậc Trung cấp với các ngành: Kế toán doanh nghiệp, Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính, Tin học ứng dụng, Quản trị mạng máy tính, Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính, Thiết kế và quản lý website, công nghệ kỹ thuật điện tử - Viễn thông.

- Xây dựng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo bảo đảm đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu trình độ theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

### **2.1.3. Hiện nay, Trường có:**

- 02 Khoa bao gồm: Khoa Công nghệ Thông tin - Điện tử, Khoa Kinh tế;
- 06 Phòng gồm: Phòng Đào tạo; Phòng Tổ chức Hành chính; Phòng Kế hoạch tài

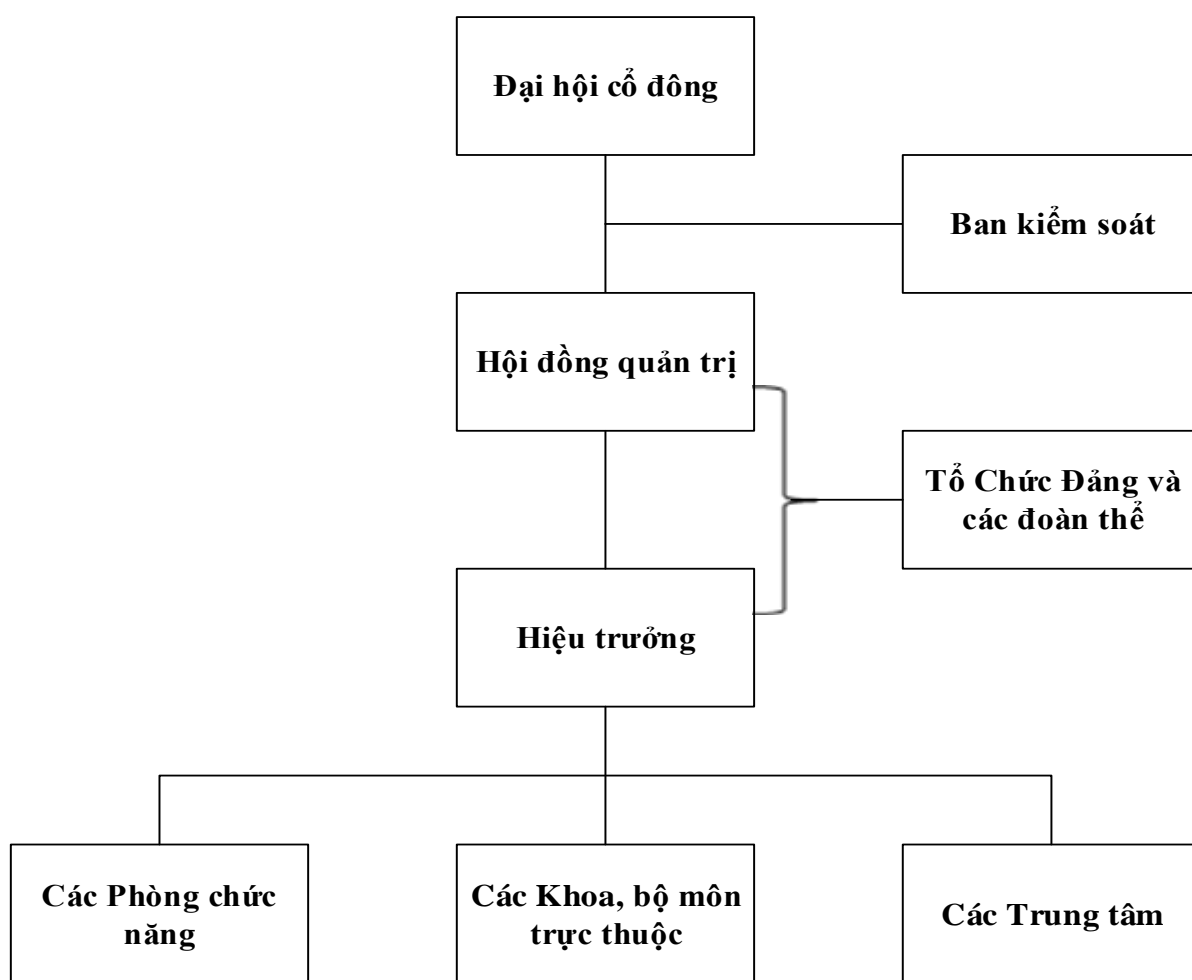
chính; Phòng Công tác Sinh viên; Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng; Phòng Tuyển sinh và Truyền thông;

- 03 Trung tâm: Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trung tâm Khởi nghiệp Sáng tạo (ITC), Trung tâm Truyền thông và quan hệ danh nghiệp;

- Sau hơn 21 năm hình thành và phát triển, Trường đã đạt được nhiều thành tích nổi bật và đã nhận được nhiều Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy Ban Nhân dân Thành phố và Quận Tân Phú.

### 3. Cơ cấu tổ chức hành chính của nhà trường:

#### 3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức:



#### 3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng).

<b>Các đơn vị (Bộ phận)</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh, học vị, chức vụ</b>	<b>Điện thoại, Email</b>
Hiệu trưởng	Lê Vũ Hùng	Hiệu trưởng Thạc sĩ	0903305599 hunglv@itc.edu.vn
Phó Hiệu trưởng	Cao Tùng Anh	Phó Hiệu trưởng Tiến sĩ	0903910141 anhct@itc.edu.vn
Chi bộ	Vũ Văn Đông	Bí Thư Thạc sĩ	0908118808 dongvv@itc.edu.vn
Công đoàn	Tô Thị Thanh Nhân	Chủ tịch Công đoàn Cử nhân	0989623179 nhanttt@itc.edu.vn
Đoàn thanh niên	Nguyễn Hữu Tài	Bí thư Đoàn Thanh niên Cử nhân	0968092391 tainh@itc.edu.vn
Phòng Đào tạo	Vũ Văn Đông	Trưởng phòng Thạc sĩ	0908118808 dongvv@itc.edu.vn
Phòng Tổ chức Hành chính	Nguyễn Văn Thái	Trưởng phòng Thạc sĩ	0918323880 thainv@itc.edu.vn
Phòng Kế hoạch tài chính	Huỳnh Thị Đức Trinh	Trưởng phòng Cử nhân	0989002806 trinhhtd@itc.edu.vn
Phòng Công tác Sinh viên	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Trưởng phòng Thạc sĩ	0918551124 hanhntm@itc.edu.vn
Trung tâm Truyền thông và Quan hệ danh nghiệp	Nguyễn Huyền Trang	Giám đốc Thạc sĩ	0379069576 trangnh@itc.edu.vn
Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Văn Thái	Trưởng phòng Thạc sĩ	0918323880 thainv@itc.edu.vn
Phòng Truyền thông và Tuyển sinh	Nguyễn Hải Đăng	Trưởng phòng Cử nhân	0912217990 dangnh@itc.edu.vn
Khoa Công nghệ Thông tin - Điện tử	Hoàng Anh	Trưởng khoa Tiến sĩ	0967077784 anhh@itc.edu.vn
Khoa Kinh tế	Trần Ngọc Chiêu Đăng	Trưởng Khoa Thạc sĩ	0933339905 dangtnc@itc.edu.vn
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Nguyễn Thị Hồng Phước	Giám đốc Thạc sĩ	0989111842 phuocnth@itc.edu.vn
Trung tâm Khởi nghiệp Sáng tạo	Lê Vũ Hùng	Giám đốc Thạc sĩ	0903305599 hunglv@itc.edu.vn



**3.3. Tổng số cán bộ, nhà giáo của Trường (Tính đến thời điểm tự đánh giá):**

- Nam: 32
- Nữ: 33
- Hợp đồng dài hạn: 33
- Hợp đồng có thời hạn: 33
- Giảng viên: 26
- Cán bộ, công nhân viên: 41

(*Chủ tịch HĐQT không có trong hợp đồng*)

**3.4. Tuổi trung bình của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (hợp đồng dài hạn): 41 tuổi****3.5. Tỷ lệ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp có học vị và học hàm (Hợp đồng):**

- PGS-TS: 00/26, chiếm 0,00%
- Tiến sĩ: 01/26, chiếm 3,8%
- Thạc sĩ: 21/26, chiếm 81,0%
- Đại học: 04/26, chiếm 15,2%

**4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường Cao đẳng công nghệ thông tin:****4.1. Danh sách các nghề đào tạo theo từng trình độ và số lượng:**

STT	Tên nghề và Trình độ đào tạo	Tuyển sinh đến 2022			
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
<b>I</b>	<b>Hệ cao đẳng</b>				
01	Công nghệ thông tin	397	377	370	409
02	Hệ thống thông tin	0	0	7	0
03	Truyền thông và Mạng máy tính	13	9	9	14
04	Công nghệ kỹ thuật máy tính	10	28	14	30
05	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	0	5	0	0
06	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	0	8	1	0
07	Quản trị kinh doanh	50	65	44	38
08	Kế toán	19	22	9	20

09	Tài chính – Ngân hàng	0	15	1	0
10	Logistics	14	2	17	12
11	Thiết kế đồ họa	79	102	81	130
12	Marketing	0	0	13	23
13	Thương mại điện tử	0	0	6	17
14	Lập trình máy tính	0	0	48	31
15	Truyền thông đa phương tiện				0
16	Thiết kế trang web				0
17	Hướng dẫn du lịch				0
18	Kinh doanh xuất nhập khẩu				0
<b>II</b>	<b>Hệ Trung cấp</b>				
01	Tin học ứng dụng	28	14	29	28
02	Thiết kế và quản lý Website	0	2	0	0
03	Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính	18	9	0	0
04	Quản trị mạng máy tính	0	0	0	28
05	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	0	1	0	0
06	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	0	0	0	0
07	Kế toán doanh nghiệp	0	0	1	0

#### **4.2. Các loại hình đào tạo của nhà trường:**

- Chính quy: có
- Không chính quy: có (các lớp ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên đề)
- Liên kết trong nước: không

#### **4.3. Tổng số các khoa, Trung tâm đào tạo:**

- 02 Khoa
- 03 Trung tâm.

#### **4.4. Tổng số ngành nghề đào tạo**

- 18 Ngành nghề hệ Cao đẳng
- 07 Ngành nghề hệ Trung cấp

#### **4.5. Tỷ lệ sinh viên quy đổi trên 1 nhà giáo quy đổi: 25 sinh viên/1 nhà giáo**

#### **4.6. Số nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học (Tính theo báo cáo khoa học từ cấp trường trở lên trong 3 năm gần nhất):**

- Năm 2020: không
- Năm 2021: không
- Năm 2022: không

#### **4.7. Số sinh viên quốc tế (Nếu có) trong 3 năm gần đây nhất:**

- Nhà trường chưa có liên kết đào tạo sinh viên quốc tế.

#### **4.8. Tỷ lệ sinh viên ở ký túc xá/tổng số chỗ ở trong ký túc xá:**

- Nhà trường chưa có ký túc xá.

#### **4.9. Số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học trong 3 năm gần đây nhất**

- Năm 2019: không
- Năm 2020: không
- Năm 2021: không

### **5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính**

#### **5.1. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m<sup>2</sup>): 90,020 m<sup>2</sup>**

- Cơ sở 1 : 3020m<sup>2</sup>
- Cơ sở 2 : 87,000m<sup>2</sup>

#### **5.2. Diện tích sử dụng cho (tính bằng m<sup>2</sup>)**

- Nơi làm việc: 691,56 m<sup>2</sup>
- Nơi học: 9.145,27 m<sup>2</sup>
- Thư viện: 400 m<sup>2</sup>

### **5.3. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường:**

- Tổng số đầu sách thư viện 8,843 cuốn
- Tổng đầu sách thuộc ngành, nghề đào tạo của trường: 4,762 cuốn

### **5.4. Tổng số máy tính của trường**

- Dùng cho văn phòng: 49 máy tính
- Dùng cho học sinh học tập: 252 máy tính

### **5.5. Tổng nguồn thu của trường trong 3 năm trở lại đây:**

- Năm 2019-2020: 16.748.341.721 đồng
- Năm 2020-2021: 17.181.345.924 đồng
- Năm 2021-2022: 17.586.000.000 đồng

### **5.6. Tổng thu học phí (chỉ hệ chính quy) trong 3 năm trở lại đây**

- Năm 2019-2020: 15.784.507.321 đồng
- Năm 2020-2021: 16.319.613.534 đồng
- Năm 2021-2022: 16.261.000.000 đồng

### **5.7. Tổng kinh phí chi cho nghiên cứu khoa học trong 3 năm trở lại đây**

- Năm 2018: Không có (Không trực tiếp chi trừ vào tiền nghĩa vụ)
- Năm 2019: Không có (*Không trực tiếp chi trừ vào tiền nghĩa vụ*)
- Năm 2020: Không có (*Không trực tiếp chi trừ vào tiền nghĩa vụ*)

## **PHẦN II**

### **KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP.HCM**

#### **1. Đặt vấn đề**

##### **1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp**

- Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP.HCM là Trường Cao đẳng đầu tiên trong cả nước đào tạo chuyên ngành Công nghệ thông tin. Hơn hai mươi năm (21) năm hoạt động và phát triển, tập thể lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, giảng viên, công nhân viên luôn phấn đấu và nỗ lực thực hiện mục tiêu, sứ mạng của Trường, đã không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Đồng thời trong những năm qua Trường đào tạo được một lượng lớn nhân lực bậc Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp có chất lượng

tay nghề cao cho cả nước nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng trên bước đường hội nhập.

- Tự kiểm định chất lượng là một khâu quan trọng trong hoạt động đảm bảo chất lượng giúp Trường nhìn lại quá trình đào tạo của Trường. Từ đó, Trường đã và đang thực hiện điều chỉnh các mục tiêu cho giai đoạn phát triển tiếp theo, thực hiện việc lập kế hoạch và hành động theo kế hoạch để đạt được mục tiêu đề ra.

- Lãnh đạo Trường đã xác định rõ công tác tự kiểm định chất lượng không chỉ là cơ sở để Trường nâng cao chất lượng đào tạo mà còn thể hiện việc tự chủ, tự cam kết và tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ các hoạt động của Trường. Hơn nữa, báo cáo này còn là điều kiện cần thiết để Trường đăng ký đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng với một tổ chức Kiểm định Chất lượng Giáo dục.

## **1.2. Vai trò của hoạt động tự kiểm định chất lượng dạy nghề**

Hoạt động tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một hoạt động có vai trò và ý nghĩa với xã hội, người có nhu cầu học nghề, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở sử dụng lao động và cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề. Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp có vai trò quan trọng trên các phương diện sau:

### **1.2.1. Đối với xã hội, hoạt động kiểm định thường mang tính xã hội rất cao, thể hiện**

- Chất lượng và hiệu quả đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp từng bước được đánh giá đào tạo có chất lượng thông qua các đơn vị doanh nghiệp trong nước tín nhiệm về hiệu quả đào tạo.

- Cơ sở cho việc tuyển dụng, xem xét tư cách thực hành nghề nghiệp của người học thông qua các doanh nghiệp tuyển dụng.

- Đảm bảo trước xã hội về chất lượng “Đầu ra” của cơ sở giáo dục nghề nghiệp hay chương trình giáo dục nghề nghiệp.

- Cơ sở cho việc di chuyển lao động giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng lao động trong nước và ngoài nước.

- Trong quá trình kiểm định cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhà trường luôn chủ động và có ý thức trong công tác không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của mình, nâng cao hiệu quả của đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp.

### **1.2.2. Đối với người học**

- Mục đích của các tiêu chí, tiêu chuẩn là cho người học nhằm đáp ứng những đòi hỏi, sự ham muốn tìm tòi và phát huy khả năng của người học từ chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp. Dịch vụ nhân sự cho người học phải xây dựng các chương trình định hướng và lập hệ thống hồ sơ nhân sự phù hợp bao gồm; vấn cá dịch vụ tư nhân, chương trình định hướng cho học sinh – sinh viên; dịch vụ lưu giữ các hồ sơ của người học; dịch vụ tài chính cho người học; dịch vụ ăn ở; dịch vụ giới thiệu việc làm.

- Vì vậy, kiểm định chất lượng sẽ đảm bảo độ tin cậy đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp hay chương trình giáo dục nghề nghiệp mà người học đó đang theo học, họ có thể yên tâm theo học một cách vì nhu cầu của họ được đáp ứng tốt nhất. Ngoài ra còn giúp người học được chuyển đổi việc học tập giữa các trường hoặc được công nhận khi họ có nhu cầu nâng cao trình độ. Điều quan trọng là nếu học ở những cơ sở giáo dục có uy tín chất lượng và chương trình giáo dục nghề nghiệp phù hợp đã được khẳng định qua kiểm định chất lượng thì người học dễ tìm được việc làm và tự tạo việc làm khi ra trường cũng như được công nhận trong việc hành nghề.

### **1.2.3. Đối với bản thân các cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

Tự kiểm định chất lượng có vai trò là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài giúp cơ sở giáo dục nghề nghiệp có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện hơn, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chất lượng cao. Thông qua kiểm định chất lượng, thương hiệu, uy tín của cơ sở giáo dục nghề nghiệp sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

### **1.2.4. Đối với cơ quan quản lý các cấp**

- Tự kiểm định chất lượng là một công cụ đảm bảo đánh giá một cách khách quan về cơ sở giáo dục nghề nghiệp hay chương trình giáo dục nghề nghiệp, phát hiện những nhân tố mới trong số các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã thực hiện tốt các giải pháp cải tiến, tự hoàn thiện mình để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Hơn nữa việc kiểm định chất lượng nói chung và tự kiểm tra, tự đánh giá được tiến hành liên tục hàng năm sẽ tốt hơn và thúc đẩy các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nâng cao chất lượng hơn nữa.

### **1.2.5. Đối với người sử dụng lao động**

- Sinh viên tốt nghiệp từ các chương trình đào tạo đã được kiểm định chất lượng giúp doanh nghiệp yên tâm khi tuyển dụng làm việc tại công ty, doanh nghiệp họ về chất lượng đào tạo.

- Do vậy kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thông qua việc đánh giá và chứng nhận các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chất lượng là một việc làm cần thiết để hoạt động giáo dục nghề nghiệp đi vào nề nếp, nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo thông qua đó đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

## **2. Tổng quan chung**

### **2.1. Căn cứ tự đánh giá**

- Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP.HCM thực hiện công tác tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường Cao đẳng của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Công tác tự đánh giá được tiến hành theo hướng dẫn tại Thông tư số: 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 và quy trình thực hiện tự kiểm định chất lượng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hồ sơ, tài liệu, các điều kiện hoạt động thực tế, các đề án phát triển của nhà trường đến năm 2022.

### **2.2. Mục đích tự đánh giá**

- Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình giảng dạy; đánh giá cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của sinh viên, công tác giảng dạy của giảng viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn.

- Xác định mức độ đạt được của nhà trường thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn và chỉ số kiểm định chất lượng của trường Cao đẳng.

- Phát hiện các điểm không phù hợp và đề ra kế hoạch cần cải thiện trong những khoảng thời gian nhất định, qua đó giúp nhà trường có kế hoạch chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn tiến tới xây dựng Trường đạt chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín được xã hội biết đến và thừa nhận.

- Mục đích của việc tự kiểm định là bước khởi đầu quan trọng cho việc kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp bắt buộc của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

### **2.3. Yêu cầu tự đánh giá**

- Thể hiện sự bình đẳng, khách quan, trung thực và minh bạch trong quá trình tự kiểm định.

- Hợp tác, trao đổi, thảo luận công khai đối với tất cả thành viên trong nhà trường.

Đảm bảo đúng thời gian và kế hoạch đề ra.

### **2.4. Phương pháp tự đánh giá**

- Nghiên cứu bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, các tài liệu, hồ sơ minh chứng kèm theo.

- Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của trường và những chứng cứ để chứng minh.

- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các đơn vị, cán bộ, giảng viên, học sinh và người sử dụng lao động.

### **2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá**

- Quá trình thực hiện công tác Tự kiểm định chất lượng của Trường Cao Đẳng Công nghệ Thông tin Tp.HCM như sau:

- Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng là đơn vị chuyên trách lập đề xuất và triển khai công tác tự kiểm định trong trường theo kế hoạch và duy trì công tác đảm bảo chất lượng giáo dục hàng năm của Trường;

- Thành lập Hội đồng Tự kiểm định chất lượng của trường và các nhóm công tác, mỗi nhóm chịu trách nhiệm thu thập minh chứng, viết báo cáo theo từng tiêu chuẩn liên quan;

- Triển khai phổ biến chủ trương của lãnh đạo nhà trường tới toàn thể cán bộ, giảng viên và công nhân viên trong Trường về công tác tự kiểm định chất lượng;

- Lập kế hoạch Tự kiểm định;

- Thu thập thông tin và minh chứng;

- Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

- Viết báo cáo Tự kiểm định;

- Họp hội đồng tự kiểm định để thống nhất nội dung trong bản báo cáo Tự kiểm định chất lượng của Trường.

## **3. Tự đánh giá**

### **3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá**



<b>S t t</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá</b>
	<b>ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC</b>	<b>Đạt chuẩn chất lượng</b>
	<b>Tổng điểm</b>	<b>87 điểm</b>
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý</b>	<b>12 điểm</b>
	Tiêu chuẩn 1.1	1
	Tiêu chuẩn 1.2	1
	Tiêu chuẩn 1.3	1
	Tiêu chuẩn 1.4	1
	Tiêu chuẩn 1.5	1
	Tiêu chuẩn 1.6	1
	Tiêu chuẩn 1.7	1
	Tiêu chuẩn 1.8	1
	Tiêu chuẩn 1.9	1
	Tiêu chuẩn 1.10	1
	Tiêu chuẩn 1.11	1
	Tiêu chuẩn 1.12	1
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	<b>17 điểm</b>
	Tiêu chuẩn 2.1	1
	Tiêu chuẩn 2.2	1
	Tiêu chuẩn 2.3	1
	Tiêu chuẩn 2.4	1
	Tiêu chuẩn 2.5	1
	Tiêu chuẩn 2.6	1
	Tiêu chuẩn 2.7	1
	Tiêu chuẩn 2.8	1
	Tiêu chuẩn 2.9	1
	Tiêu chuẩn 2.10	1

	Tiêu chuẩn 2.11	1
	Tiêu chuẩn 2.12	1
	Tiêu chuẩn 2.13	1
	Tiêu chuẩn 2.14	1
	Tiêu chuẩn 2.15	1
	Tiêu chuẩn 2.16	1
	Tiêu chuẩn 2.17	1
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, Cán bộ quản lý, viên chức và NLD</b>	<b>15 điểm</b>
	Tiêu chuẩn 3.1	1
	Tiêu chuẩn 3.2	1
	Tiêu chuẩn 3.3	1
	Tiêu chuẩn 3.4	1
	Tiêu chuẩn 3.5	1
	Tiêu chuẩn 3.6	1
	Tiêu chuẩn 3.7	1
	Tiêu chuẩn 3.8	1
	Tiêu chuẩn 3.9	1
	Tiêu chuẩn 3.10	1
	Tiêu chuẩn 3.11	1
	Tiêu chuẩn 3.12	1
	Tiêu chuẩn 3.13	1
	Tiêu chuẩn 3.14	1
	Tiêu chuẩn 3.15	1
<b>4</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>	<b>12 điểm</b>
	Tiêu chuẩn 4.1	1
	Tiêu chuẩn 4.2	1
	Tiêu chuẩn 4.3	1
	Tiêu chuẩn 4.4	1
	Tiêu chuẩn 4.5	1

	Tiêu chuẩn 4.6	1
	Tiêu chuẩn 4.7	1
	Tiêu chuẩn 4.8	0
	Tiêu chuẩn 4.9	0
	Tiêu chuẩn 4.10	1
	Tiêu chuẩn 4.11	1
	Tiêu chuẩn 4.12	1
	Tiêu chuẩn 4.13	1
	Tiêu chuẩn 4.14	0
	Tiêu chuẩn 4.15	1
<b>5</b>	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b>11 điểm</b>
	Tiêu chuẩn 5.1	1
	Tiêu chuẩn 5.2	1
	Tiêu chuẩn 5.3	1
	Tiêu chuẩn 5.4	1
	Tiêu chuẩn 5.5	1
	Tiêu chuẩn 5.6	0
	Tiêu chuẩn 5.7	0
	Tiêu chuẩn 5.8	1
	Tiêu chuẩn 5.9	1
	Tiêu chuẩn 5.10	1
	Tiêu chuẩn 5.11	0
	Tiêu chuẩn 5.12	0
	Tiêu chuẩn 5.13	1
	Tiêu chuẩn 5.14	1
	Tiêu chuẩn 5.15	1
<b>6</b>	<b>Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế</b>	<b>1 điểm</b>
	Tiêu chuẩn 6.1	0

	Tiêu chuẩn 6.2	0
	Tiêu chuẩn 6.3	0
	Tiêu chuẩn 6.4	0
	Tiêu chuẩn 6.5	1
<b>7</b>	<b>Tiêu chí 7: Quản lý tài chính</b>	<b>6 điểm</b>
	Tiêu chuẩn 7.1	1
	Tiêu chuẩn 7.2	1
	Tiêu chuẩn 7.3	1
	Tiêu chuẩn 7.4	1
	Tiêu chuẩn 7.5	1
	Tiêu chuẩn 7.6	1
<b>8</b>	<b>Tiêu chí 8: Dịch vụ người học</b>	<b>8 điểm</b>
	Tiêu chuẩn 8.1	1
	Tiêu chuẩn 8.2	1
	Tiêu chuẩn 8.3	1
	Tiêu chuẩn 8.4	1
	Tiêu chuẩn 8.5	0
	Tiêu chuẩn 8.6	1
	Tiêu chuẩn 8.7	1
	Tiêu chuẩn 8.8	1
	Tiêu chuẩn 8.9	1
<b>9</b>	<b>Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	<b>6 điểm</b>
	Tiêu chuẩn 9.1	1
	Tiêu chuẩn 9.2	1
	Tiêu chuẩn 9.3	1
	Tiêu chuẩn 9.4	1
	Tiêu chuẩn 9.5	1
	Tiêu chuẩn 9.6	1